TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn -Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Thôn HP 4, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn H; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HP 4, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn NL, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 12-02-2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu tại gia đình nhà chồng ở xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng và có

hai con chung. Đến năm 2014 vợ chồng anh chị chuyển về gia đình chị sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do bất đồng quan điểm về tình cảm cũng như kinh tế nên anh H đã về gia đình anh ở xã HH, huyện VB sinh sống. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có hai con chung là Trần Văn H , sinh ngày 08-5-2009 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Trần Văn H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Thị Phương A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh H.

Về tài sản: Chị xin tự giải quyết với anh Trần Văn H về tài sản.

Tại bản tự khai anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 12-02-2008. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xã HH thời gian đầu, đến năm 2014 vợ chồng về gia đình chị H ở xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là Trần Văn H, sinh ngày 08-5-2009 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi con chung Trần Văn H , anh nhận nuôi con chung Trần Thị Phương A. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị H.

Về tài sản: Anh xin tự giải quyết với chị Nguyễn Thị H về tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ. Nguyên đơn tham gia phiên họp,

phiên hòa giải, phiên tòa, bị đơn không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung: Xử giao con chung Trần Văn H, sinh ngày 08-5-2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H xin tự giải quyết với anh H nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Chị H xin tự giải quyết với anh H nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn H.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H kết hôn ngày 12-02-2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm cũng như kinh tế nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh H đã đưa một con chung về gia đình anh ở xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn anh H. Anh H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh H đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Trần Văn H phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn H có hai con là Trần Văn H , sinh ngày 08-5-2009 và Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012. Khi ly hôn chị H và anh Hiệp cùng đề nghị Tòa án giao con chung Trần Văn H , sinh ngày 05-5-2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu, đề nghị giải quyết về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của anh H và chị H thì thấy hiện nay con chung Trần Văn H đang ở với chị H, con chung Trần Thị Phương A đang ở với anh H. Cháu H có nguyện vọng xin được ở với chị H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao con chung Trần Văn H , sinh ngày 05-5-2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H xin tự giải quyết với anh H nên Tòa án không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H xin tự giải quyết với anh Trần Văn H về tài sản nên Toà án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Trần Văn H, sinh ngày 08-5-2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Thị Phương A, sinh ngày 02-8-2012 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H xin tự giải quyết với anh H, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H xin tự giải quyết với anh Trần Văn H về tài sản nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015937 ngày 19-3-2018. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã HH huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền